TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 26/7/2022
V/v:"*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Anh **Tạ Liễu**

Các Hội thẩm nhân dân: Anh **Nguyễn Văn Quang** và anh **Nguyễn Thanh Hoàng**

***Thư ký phiên tòa*:** Anh **Nguyễn Công Thịnh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Chị **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*__Nguyên đơn__: Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1972,
Địa chỉ: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L.

*__Bị đơn__ : Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1969,.
Địa chỉ: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16.6.2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn – anh Nguyễn Ngọc D trình Chịy:

Anh và Trần Thị Ng đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có tất cả 4 người con chung, Nguyễn Thị Mỹ Hương, sinh năm 1990; Nguyễn Ngọc Hải, sinh năm 1992; Nguyễn Ngọc Hiệp, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Mỹ Hằng, sinh năm 2002. Tuy

nhiên cuộc sống giữa anh và Trần Thị Ng không hạnh phúc do tính tình không hợp nên thường phát sinh mâu thuẫn, hai bên không còn thương yêu nhau nữa nên anh yêu cầu toà án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và Trần Thị Ng.

Về con chung: Các con hiện nay đã trưởng thành do đó anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, Về nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Chị Trần Thị Ng trình Chịy:

Chị và anh D sau khi tìm hiểu thương yêu nhau nên về sống chung vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Mặt dù không đăng ký kết hôn nhưng vợ chồng vẫn sống hạnh phúc với 04 người con chung gồm có:

Nguyễn Thị Mỹ Hương, sinh năm 1990; Nguyễn Ngọc Hải, sinh năm 1992; Nguyễn Ngọc Hiệp, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Mỹ Hằng, sinh năm 2002. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh D không còn yêu thương chị và đã nhiều lần ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác nên tình cảm không còn. Vợ chồng về chung sống có làm đám cưới đàng hoàng, họ hàng hai bên cũng như cha mẹ đều ủng hộ chúng tôi nên vợ chồng. Vì do chúng tôi không hiểu biết pháp luật do đó không đăng ký kết hôn. Nay anh D yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận hai người là vợ chồng thì chị đồng ý giải quyết theo yêu cầu của anh D.

Về con chung: Các con hiện nay đã trưởng thành do đó chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, Về nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Trần Thị Ng sau khi tìm hiểu và yêu thương nhau nên về chung sống với nhau và đã có 04 người con chung. Trong thời gian chung sống hai bên có đầy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện do đó các bên đã vi phạm Luật hôn nhân và Gia đình. Hiện nay do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và anh D yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng và chị Ng cũng đồng ý do đó đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn .

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: anh Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình Chiy tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp " Không công nhận quan hệ vợ chồng ", bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã thị xã L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã L theo quy định tại các điều 28, 35, 39 BLTT dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc D và chị Trần Thị Ng là những người đã chung sống với nhau từ năm 1990 cho đến nay và đã có 4 người con chung. Anh D chị Ng có đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện là vi phạm Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*"

Nay các bên thừa nhận không còn yêu thương nhau nữa và thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và Chị Ng là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 9, 14, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc D.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc D và chị Trần Thị Ng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không giải quyết

3. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005195 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Các đương sự có mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Liễu